

Grade 6 – Unit 1 – My new school.

I. Put the verbs into the correct form. Use Present Simple.

(chia dạng đúng của động từ trong ngoặc, dùng thì HIỆN TẠI ĐƠN)

1. They play _____ (play) football and basketball at school.
2. My father reads _____ (read) the newspaper every morning.
3. We _____ (have) English, Maths and Science on Monday.
4. She never _____ (do) her homework.
5. I _____ (go) swimming twice a week.
6. Cars _____ (be) more expensive than motorbikes.
7. Jane always _____ (have) breakfast at 6 o'clock.
8. He usually _____ (watch) TV after dinner.
9. London is _____ (be) a very big city.
10. I _____ (be) a student and my parents _____ (be) teachers.

II. Write negative sentences. Use short forms.

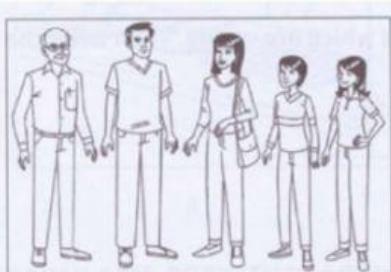
Viết lại câu dưới dạng **câu phủ định**. Dùng thẻ rút gọn (ví dụ: is not = isn't)

Lưu PHẢI có dấu CHẤM câu!

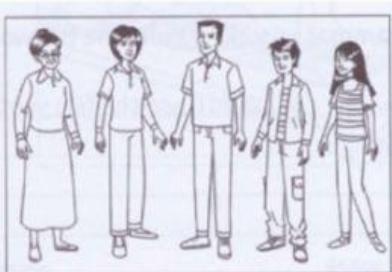
1. I'm the best in the class. → I'm not the best in the class.
2. Mark does homework in the evening. → Mark doesn't do homework in the evening.
3. We play football after school. → _____
4. You run fast. → _____
5. Tim and Lucas work at weekends. → _____
6. I like classical music. → _____
7. These exercises are difficult. → _____
8. She has science on Fridays. → _____

III. Nghe và chọn đáp án đúng

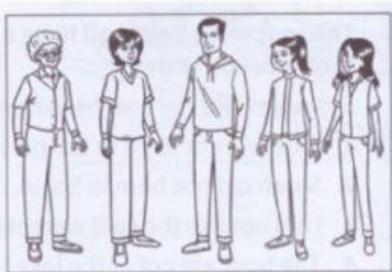
1: Which family are Emily's new neighbour?



A

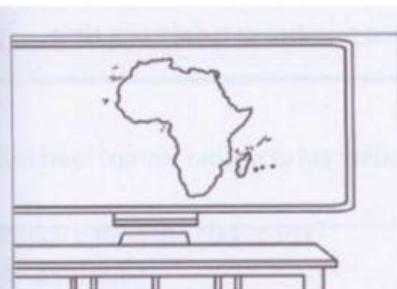


B

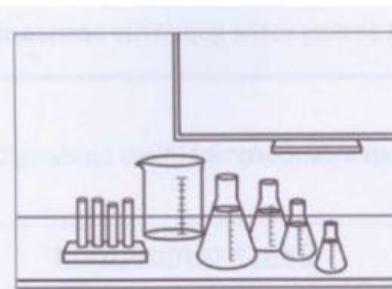


C

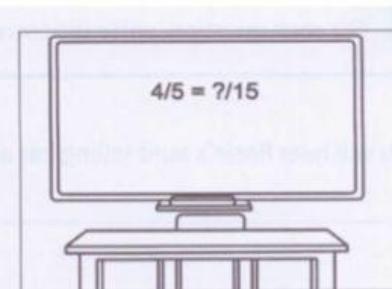
2. Which subject will they study first today?



A



B



C

Từ mới:

Timetable: Thời khóa biểu

First lesson Tiết học đầu tiên

Second lesson: Tiết học thứ hai

Third lesson: Tiết học thứ ba

Chemistry: Môn hóa học